**MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | **- Thơ hiện đại (sáu chữ, bẩy chữ)** | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** | **0** | **60** |
| **- Truyện ngắn** |
| **2** | **Viết** | **- Nghị luận xã hội** | **0** | **1\*** | **0** | **1\*** | **0** | **1\*** | **0** | **1\*** | 40 |
| **- Thuyết minh** |
| **Tổng số câu** | | | ***3*** | ***1\**** | ***5*** | ***1\**** | ***0*** | ***3\**** | ***0*** | ***1\**** | **11** |
| **Tổng điểm** | | | ***1,5*** | ***0,5*** | ***2,5*** | ***1,5*** | ***0*** | ***3,0*** | ***0*** | ***1\**** | **10** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | | **100%** |

\* **Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.

**BẢNG ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức / Kĩ năng** | **Mức độ đánh giá** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **ĐỌC HIỂU** | 1. Truyện ngắn, Truyện lịch sử. | **Nhận biết:**  - Nhận biết đề tài, bối cảnh, chi tiết tiêu biểu.  - Nhận biết được nhân vật, cốt truyện, tình huống, các biện pháp xây dựng nhân vật.  - Nhận biết được các trợ từ, thán từ, thành phần biệt lập, các loại câu phân loại theo mục đích giao tiếp.  **Thông hiểu**:  - Phân tích được tình cảm, thái độ của người kể chuyện.  - Phân tích được vai trò, tác dụng của cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến.  - Hiểu và lí giải được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản.  - Xác định được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng; sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ; tác dụng của từ tượng thanh, từ tượng hình, biện pháp đảo ngữ, câu hỏi tu từ được sử dụng trong văn bản.  - Xác định được nghĩa tường minh và hàm ý; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả qua văn bản.  - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, nhận thức của bản thân sau khi đọc văn bản.  - Vận dụng những hiểu biết về vai trò của tưởng tượng trong tiếp nhận văn học để đánh giá giá trị của tác phẩm. | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| 2. Thơ (thơ sáu chữ, bảy chữ). | **Nhận biết**  - Nhận biết được những dấu hiệu về hình thức để phân biệt các thể thơ: số tiếng trong câu, số câu, cách gieo vần, tạo nhịp, đối ngẫu. Nhận biết một số thủ pháp nghệ thuật chính của thơ trào phúng.  - Nhận biết được đặc điểm ngôn ngữ, đề tài, giọng điệp, nhịp điệu trong bài thơ; nhận biết được các yếu tố trào phúng trong thơ.  - Nhận biết được hình ảnh, biểu tượng tiêu biểu và nhân vật trữ tình trong bài thơ.  - Nhận biết được các trợ từ, thán từ, thành phần biệt lập trong văn bản.  **Thông hiểu**  - Phân tích được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình; cảm hứng chủ đạo của tác giả trong bài thơ.  - Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của bài thơ dựa trên những yếu tố hình thức nghệ thuật.  - Phân tích được tác dụng của một số thủ pháp nghệ thuật thơ trào phúng; vai trò, ý nghĩa của một số yếu tố hình thức thơ Đường luật như: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối.  - Phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục.  - Xác định được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng; sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ; tác dụng của từ tượng thanh, từ tượng hình, các biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản.  - Xác định được nghĩa tường minh và hàm ý; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng**  - Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả qua bài thơ.  - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, nhận thức của bản thân sau khi đọc văn bản.  - Thể hiện được thái độ tôn trọng và học hỏi cách tiếp nhận của người khác trong đọc hiểu văn bản thơ. |
| **2.** | **VIẾT** | 1. Nghị luận về một vấn đề của đời sống. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống. Trình bày rõ vấn đề và thể hiện rõ ý kiến (đồng tình hay phản đối) về vấn đề đó; nêu được lí lẽ và bằng chứng thuyết phục. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| 2. Thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên hoặc giới thiệu một cuốn sách | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên hoặc giới thiệu một cuốn sách; nêu được những thông tin quan trọng; trình bày mạch lạc, thuyết phục. |
| **Tổng số câu** | | | | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| **Tỉ lệ %** | | | | **20** | **40** | **30** | **10** |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 8**

*(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề)*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**Bác ơi!**

*Suốt mấy hôm rày đau tiễn đưa*

*Đời tuôn nước mắt, trời tuôn mưa...*

*Chiều nay con chạy về thǎm Bác*

*Ướt lạnh vườn cau, mấy gốc dừa!*

*Con lại lần theo lối sỏi quen*

*Đến bên thang gác, đứng nhìn lên*

*Chuông ôi chuông nhỏ còn reo nữa?*

*Phòng lặng, rèm buông, tắt ánh đèn!*

*Bác đã đi rồi sao, Bác ơi!*

*Mùa thu đang đẹp, nắng xanh trời*

*Miền Nam đang thắng, mơ ngày hội*

*Rước Bác vào thǎm, thấy Bác cười!*

*Trái bưởi kia vàng ngọt với ai*

*Thơm cho ai nữa, hỡi hoa nhài!*

*Còn đâu bóng Bác đi hôm sớm*

*Quanh mặt hồ in mây trắng bay...*

*Ôi, phải chi lòng được thảnh thơi*

*Nǎm canh bớt nặng nỗi thương đời*

*Bác ơi, tim Bác mênh mông thế*

*Ôm cả non sông, mọi kiếp người.*

*Bác chẳng buồn đâu, Bác chỉ đau*

*Nỗi đau dân nước, nỗi nǎm châu*

*Chỉ lo muôn mối như lòng mẹ*

*Cho hôm nay và cho mai sau...*

*Bác sống như trời đất của ta*

*Yêu từng ngọn lúa, mỗi cành hoa*

*Tự do cho mỗi đời nô lệ*

*Sữa để em thơ, lụa tặng già*

*Bác nhớ miền Nam, nỗi nhớ nhà*

*Miền Nam mong Bác, nỗi mong cha*

*Bác nghe từng bước trên tiền tuyến*

*Lắng mỗi tin mừng tiếng súng xa.*

*Bác vui như ánh buổi bình minh*

*Vui mỗi mầm non, trái chín cành*

*Vui tiếng ca chung hòa bốn biển*

*Nâng niu tất cả chỉ quên mình.*

*Bác để tình thương cho chúng con*

*Một đời thanh bạch, chẳng vàng son*

*Mong manh áo vải hồn muôn trượng*

*Hơn tượng đồng phơi những lối mòn.*

*Ôi Bác Hồ ơi, những xế chiều*

*Nghìn thu nhớ Bác biết bao nhiêu?*

*Ra đi, Bác dặn: “Còn non nước...”*

*Nghĩa nặng, lòng không dám khóc nhiều*

*Bác đã lên đường theo tổ tiên*

*Mác - Lênin, thế giới Người hiền*

*Ánh hào quang đỏ thêm sông núi*

*Dắt chúng con cùng nhau tiến lên!*

*Nhớ đôi dép cũ nặng công ơn*

*Yêu Bác, lòng ta trong sáng hơn*

*Xin nguyện cùng Người vươn tới mãi*

*Vững như muôn ngọn dải Trường Sơn.*

( Tố Hữu)

**1. Lựa chọn đáp án đúng trong các câu từ 1 đến 6:**

**Câu 1**. Văn bản trên được viết theo thể thơ:

A. Năm chữ

B. Sáu chữ

C. Bảy chữ

D. Tự do

**Câu 2**. Câu thơ nào sau đây **không** chứa thán từ?

A. *Ôi, phải chi lòng được thảnh thơi*

B. *Bác đã đi rồi sao, Bác ơi!*

C. *Ôi Bác Hồ ơi, những xế chiều*

D. *Trái bưởi kia vàng ngọt với ai*

**Câu 3**. Nhóm từ nào đều là các từ Hán Việt?

A. Thanh bạch, hào quang, bình minh.

B. Thanh bạch, non sông, trời đất.

C. Thanh bạch, sông núi, thảnh thơi.

D. Thanh bạch, trong sáng, ánh đèn.

**Câu 4**. Hai câu thơ sau thể hiện phẩm chất gì của Bác?

*Bác sống như trời đất của ta*

*Yêu từng ngọn lúa, mỗi cành hoa*

A. Sự cao cả, lớn lao, nhân hậu, bao dung.

B. Sự cao cả, lớn lao, giản dị, tình yêu thương bao la.

C. Sự kiên cường, bất khuất, gần gũi, yêu thương.

D. Tình yêu thương bao la, hi sinh âm thầm.

**Câu 5**. Câu thơ “Phòng lặng, rèm buông, tắt ánh đèn!”sử dụng những biện pháp tu từ:

A. So sánh, đảo ngữ

B. Liệt kê, đảo ngữ

C. Đảo ngữ, nhân hóa

D. Đảo ngữ, câu hỏi tu từ.

**Câu 6**. Câu thơ thể hiện rõ phẩm chất giản dị của Bác là:

A. *Bác nhớ miền Nam, nỗi nhớ nhà*

B. *Bác để tình thương cho chúng con*

C. *Nhớ đôi dép cũ nặng công ơn*

D. *Sữa để em thơ, lụa tặng già*

**Câu 7.** Từ “chạy” trong câu thơ “Chiều nay con chạy về thăm Bác” thể hiện sắc thái tâm trạng nào của nhà thơ khi nghe tin Bác mất?

A. Tâm trạng thấp thỏm, bồn chồn, đau đớn, xót xa.

B. Tâm trạng bâng khuâng, tiếc nuối, đau đớn, xót xa.

C. Tâm trạng nóng gan, nóng ruột, đau đớn, xót xa.

D. Tâm trạng hối hả, lo lắng, đau đớn, xót xa.

**Câu 8.** Cảm hứng chủ đạo của bài thơ là:

A. Niềm tiếc thương, biết ơn.

B. Niềm hạnh phúc, xốn xang.

C. Sự xót xa, cay đắng.

D. Sự bàng hoàng, ngỡ ngàng.

**2. Trả lời câu hỏi/ thực hiện yêu cầu sau:** ( Trả lời bằng 2 đến 3 câu văn)

**Câu 9**. Chỉ ra và nêu tác dụng của câu hỏi tu từ có trong văn bản trên?

**Câu 10**. Văn bản trên khơi gợi trong em những tình cảm gì?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

**Ý chí là con đường ngắn nhất để đến với thành công.**

Em hãy viết bài văn trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của ý chí trong cuộc sống.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 8**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I. ĐỌC HIỂU** | **1** | C | 0,5 |
| **2** | D | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | B | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | C | 0,5 |
| **8** | A | 0.5 |
| **9** | - HS chỉ ra được 1 trong 2 câu sau:  *+ Chuông ôi chuông nhỏ còn reo nữa?*  *+ Nghìn thu nhớ Bác biết bao nhiêu?*  - Tác dụng:  + Thể hiện niềm tiếc thương, hụt hẫng của tác giả trước sự ra đi của Bác.  + Khơi gợi sự xúc động trào dâng trong lòng người đọc. | 0,25  0,75 |
| **10** | HS trình bày được những cảm xúc được khơi gợi từ bài thơ sao cho phù hợp, chân thành. HS có thể trình bày những cảm xúc như: sự kính trọng, biết ơn, sự tiếc thương, tự hào… | 1.0 |
| **II. VIẾT** |  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  *Ý nghĩa của việc bảo vệ nguồn nước ngọt hiện nay* | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: | 2.5 |
|  | - Khái niệm ý chí là gì?  + Ý chí là nghị lực phi thường, là bản lĩnh của con người vượt qua mọi khó khăn, thử thách để vươn tới thành công.  + Người có ý chí là người luôn dám nghĩ, dám làm, không sợ khó, sợ khổ...  - Vai trò của ý chí trong cuộc sống.  + Giúp con người đối chọi với khó khăn, vượt qua thử thách.  + Có niềm tin vào bản thân, lạc quan trong cuộc sống.  + Thay đổi được hoàn cảnh, số phận, sống có ích, có ý nghĩa.  + Trở thành tấm gương, truyền cảm hứng cho mọi người.  + Được mọi người ngưỡng mộ cảm phục.  (HS: lấy dẫn chứng trong cuộc sông)  + Phê phán những người sống thiếu ý chí.  - Bài học:  + Ý chí rất quan trọng trong cuộc sống.  + Cần phải học cách rèn luyện ý chí, bản lĩnh. Không dễ đầu hàng trước mọi khó khăn, gian khổ. |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0,5 |